

THÔNG BÁO

Về tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 5 đợt 1 năm 2022 chuyên ngành: Tài chính - ngân hàng

Thực hiện Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 43/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 26/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh;

Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 5 đợt 1 năm 2022 như sau:

1. Chuyên ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

1.1. Chuyên ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng

1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh: 60 học viên

2. **Đối tượng tuyển sinh:** Là công dân Việt Nam có lý lịch rõ ràng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

3. Phương thức tuyển sinh và điểm xét tuyển

3.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

3.2. Thang điểm xét tuyển: 100 điểm chi tiết theo Quy định tại **Phụ lục 1**

4. Hình thức và thời gian đào tạo

4.1. Hình thức: Chính quy

4.2. Thời gian đào tạo: 2 năm

5. Điều kiện dự tuyển

5.1. Điều kiện về văn bằng

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành Tài chính - Ngân hàng thuộc nhóm 1 (**Phụ lục 2**), hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp gần với ngành Tài chính - Ngân hàng thuộc nhóm 2 và nhóm 3 (**Phụ lục 2**), hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu và đã hoàn thành, công nhận môn học bổ sung kiến thức theo quy định Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh.

- Thí sinh có văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo Quy định hiện hành.

5.2 Về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

b) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại **Phụ lục 3** của Thông báo này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

5.3. Học bổ sung kiến thức

a) Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp (nhóm 2, 3-**Phụ lục 2**) với ngành, chuyên ngành tuyển sinh đào tạo thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự tuyển. Các học phần bổ sung kiến thức bao gồm:

TT	Môn học	Số tín chỉ
1	Nguyên lý kế toán	3
2	Tài chính tiền tệ	3
3	Quản lý tài chính công	2
4	Tài chính doanh nghiệp	3
5	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3
	Tổng cộng:	14

Tùy theo từng chuyên ngành cụ thể trong bảng điểm tốt nghiệp ở bậc đại học của thí sinh, thí sinh có thể được miễn một số học phần, nếu học phần đó (hoặc học phần tương tự) có trong bảng điểm.

b) Học viên học bổ sung kiến thức phải đóng học phí các môn học bổ sung theo quy định của Nhà trường.

5.4. Điều kiện về lý lịch

Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

5.5. Điều kiện về sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập.

5.6. Điều kiện về hồ sơ: Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Nhà trường.

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

6.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

6.2. Mức ưu tiên

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên đã kể trên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào tổng điểm xét tuyển.

7. Tổ chức tuyển sinh

7.1. Thời gian phát hành và nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

a) Thí sinh chuẩn bị hồ sơ đăng ký dự tuyển (theo mẫu trên Website trường) và nộp cho Nhà trường từ ngày 15/03/2022 đến hết ngày 30/04/2022.

b) Hồ sơ đăng ký dự tuyển:

- Đơn đăng ký dự tuyển;

- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú;

- Minh chứng kết quả nghiên cứu khoa học (nếu có);

- Bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp đại học; bằng điểm đại học; chứng chỉ ngoại ngữ;

- Bản sao giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);

- Bốn ảnh 3 x 4 cm, ghi rõ họ tên, ngày sinh ở mặt sau ảnh và hai phong bì có dán tem và ghi địa chỉ liên lạc của thí sinh;

- Phiếu đăng ký học bổ sung kiến thức và Phiếu đăng ký ôn thi ngoại ngữ (nếu có).

c) Thủ tục nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển: Thí sinh có thể đăng ký dự tuyển theo một trong hai cách sau:

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh, cơ sở 1, Trung

Trắc-Văn Lâm-Hung Yên, Số ĐT: 0221.3590.459 hoặc cơ sở 2, Thị trấn Như Quỳnh-Văn Lâm-Hung Yên, Số ĐT: 0221.3985.808.

7.2. Tiền đăng ký dự tuyển

- Tiền hồ sơ đăng ký dự tuyển: 50.000đ/hồ sơ
- Tiền xét tuyển: 200.000 đ/thí sinh

7.3 Kế hoạch học, thi bổ sung kiến thức và ôn thi ngoại ngữ

a) Thời gian học và ôn: Dự kiến học từ ngày 18/04/2022 ((Học vào các buổi tối từ thứ 2 đến thứ 6, ngày thứ 7 và ngày chủ nhật).

b) Thời gian thi: Thông báo chi tiết trong lịch học và ôn thi

c) Địa điểm: Cơ sở 2, Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh

Sau khi học xong chương trình các môn bổ sung kiến thức nhà trường tổ chức thi và đánh giá, công nhận kết quả cấp giấy chứng nhận.

7.4. Thời gian xét tuyển và nhập học

a) Thời gian: Từ ngày 15/06 và 30/06/2022

b) Địa điểm học: Cơ sở 2, Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh

8. Mức học phí

Tạm thu năm học 2022-2023: 18.750.000 đ/học viên/năm học (1 khóa học thu 2 năm).

Ghi chú:

- Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh sẽ thông báo danh sách và kết quả xét tuyển tuyển sinh trên website: <http://www.ufba.edu.vn>. Trường hợp có sai sót về thông tin của thí sinh, thí sinh phải báo về Phòng Quản lý đào tạo để kịp thời chỉnh sửa trước khi ra Quyết định danh sách xét trúng tuyển.

- Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ Phòng Quản lý đào tạo Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh, Thị trấn Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên

Điện thoại: **0978.781.838 - 0221.3590.459 - 0221.3985.808**

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu, CTHĐT;
- Các đơn vị;
- Website Trường;
- Lưu: VT, QLĐT.



TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

Phụ lục I

THANG ĐIỂM XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số: 129/TB-ĐHTCQTKD, ngày 02 tháng 3 năm 2022
của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh)

TT	Nội dung, yêu cầu	Thang điểm	Tổng điểm tối đa
1	Mức xếp hạng tốt nghiệp đại học		80
	- Loại xuất sắc	80	
	- Loại giỏi	75	
	- Loại khá	70	
	- Loại trung bình hoặc không xếp loại	65	
2	Nghiên cứu khoa học		10
2.1	Bài NCKH đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học có chỉ số ISSN, ISBN		5
	- Có từ 5 bài trở lên	5	
	- Có từ 2 đến 4 bài	4	
	- Có 01 bài	3	
2.2	Tham gia đề tài NCKH		5
	- Đề tài NCKH cấp Bộ/Tỉnh trở lên	5	
	- Đề tài NCKH cấp cơ sở (Trường, Viện,...)	4	
	- Đề tài NCKH sinh viên	3	
3	Kinh nghiệm công tác		10
	- Từ 10 năm trở lên	10	
	- Từ 7 năm đến dưới 10 năm	9	
	- Từ 5 năm đến dưới 7 năm	7	
	- Dưới 5 năm	5	
	Tổng		100

Phụ lục II
NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số: 120./TB-ĐHTCQTKD, ngày 02 tháng 3..năm 2022
của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh)

TT	Ngành, chuyên ngành phù hợp với ngành dự tuyển	Ngành (chuyên ngành) tốt nghiệp trình độ đại học	Học bổ sung kiến thức
1	Chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng		
1.1	Nhóm 1	Các chuyên ngành thuộc ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh và các cơ sở đào tạo khác.	Không phải học
1.2	Nhóm 2	Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành ngành Kinh doanh, nhóm ngành Kế toán, Kiểm toán, nhóm ngành Quản trị, Quản lý của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh và các cơ sở đào tạo khác.	Phải học bổ sung kiến thức
1.3	Nhóm 3	Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành kinh tế: Ngành Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh và các cơ sở đào tạo khác.	

Phụ lục III

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN
SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Kèm theo Thông báo số: 129../TB-ĐHTCQTKD, ngày 02 tháng 3 năm 2022
của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh)*

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	РКИ - Тест по русскому языку как иностранным	ТРКИ-1	ТРКИ-2